

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS - ST

Ngày: 17/7/2020.

“V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Rực.
2. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 17 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST – DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 4 năm 2020; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mộng L, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: 159 Ấp T, xã T, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bị đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

HKTT: 159 Ấp T, xã T, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ hiện tại: 135 Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng thương mại cổ phần T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ree Tower, số 09 Đ, phường 12, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2/ Bà Bùi Thị Diệu A; sinh năm: 1977. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

3.4/ Ông Nguyễn Hùng M; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

3.5/ Ông Huỳnh Bá P, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

4/ Người liên quan có yêu cầu độc lập:

4.1/ Ngân hàng C (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tấn L1; Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch huyện L; Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

4.2/ Bà Trương Thị T1; Địa chỉ: Ấp 2, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

4.3/ Bà Hồ Thị H; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Mộng L trình bày:

Bà và ông Dương Văn T trước kia là vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có thiếu một số nợ chung là 235.000.000 đồng. Trước khi ly hôn, bà và ông T có thỏa thuận, ông T sẽ đứng ra trả nợ chung thời kỳ hôn nhân, còn bà L có nghĩa vụ nuôi con. Sau đó, ông T đã đồng ý ký văn bản thỏa thuận đứng ra trả số nợ chung với số tiền là 235.000.000 đồng. Do đó khi ly hôn, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà L có cung cấp chứng cứ là Tờ thỏa thuận lập ngày 28/2/2018, theo đó có ghi nhận số tiền nợ như sau:

+ Nợ Ngân hàng C huyện L, tỉnh Sóc Trăng với số tiền 57.000.000 đồng.

+ Nợ số tiền 52.713.450 đồng của Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng thương mại cổ phần T; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 09 Đ, phường 12, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Nợ tiền hụi 10.000.000 đồng của bà Bùi Thị Diệu A; sinh năm: 1977. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

+ Nợ tiền vật tư 10.000.000 đồng của vật liệu xây dựng Năm Đ; Địa chỉ: Ấp 2, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

+ Nợ 10.000.000 đồng của ông Nguyễn Hùng M; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

+ Nợ 10.000.000 đồng của ông Huỳnh Bá P, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

+ Nợ 1 cây vàng và 20.000.000 đồng của bà Hồ Thị H; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Bà L cho rằng các khoản nợ trên bà đã thanh toán xong. Do trong tờ cam kết, ông T có thỏa thuận ông sẽ trả thay bà số nợ này. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền 235.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà L xin rút toàn bộ đơn khởi kiện đối với ông Dương Văn T, do ông T đã đồng ý trả nợ cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2019, bị đơn ông Dương Văn T trình bày: Trong quá trình chung sống đến khi ly hôn thì ông và bà L chỉ có nợ của bà Năm Đ; Địa chỉ: Ấp 2, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với số tiền vật liệu xây dựng 10.000.000 đồng và nợ bà Bùi Thị Diệu A số tiền hụi 10.000.000 đồng. Số tiền nợ này vẫn chưa thanh toán xong. Ngoài ra không còn nợ số tiền nào khác. Ông cũng khẳng định ông và bà L

không có lập tờ thỏa thuận về số nợ như bà L trình bày. Chữ ký trong đơn thỏa thuận lập vào ngày 28/02/2018 không phải là chữ ký của ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thì ông không đồng ý, đối với số nợ tiền vật liệu xây dựng và tiền hụi thì ông yêu cầu bà L phải có trách nhiệm chi trả phân nửa khoản nợ chung này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên (viết tắt TNHH MTV) Ngân hàng T: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho công ty, nhưng phía công ty không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập bà Bùi Thị Diệu A trình bày: Ông Dương Văn T và bà Nguyễn M L có thiếu tiền hụi của bà là 10.000.000 đồng. Ông T chỉ mới trả được 500.000 đồng, còn thiếu lại 9.500.000 đồng. Việc bà L trình bày đã thanh toán cho bà số tiền còn thiếu là không đúng. Bà cũng yêu cầu ông T và bà L thanh toán số tiền còn thiếu, nhưng sẽ khởi kiện sau.

Tại văn bản ý kiến lập ngày 23/4/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Hùng M trình bày: Trước kia ông Dương Văn T và bà Nguyễn Mộng L có mượn của tôi một số tiền là 10.000.000 đồng vào thời điểm còn sống chung. Gần đây thì bà L đã thanh toán số tiền đó cho tôi rồi. Việc bà L khởi kiện ông T để đòi lại số tiền trên tôi không có ý kiến.

Tại văn bản ý kiến lập ngày 05/3/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập ông Huỳnh Bá P trình bày: Tôi là chủ nợ của ông Dương Văn T và bà Nguyễn Mộng L. Tôi có ý kiến đề nghị ông T có trách nhiệm đứng ra trả nợ thay cho bà L theo thỏa thuận, vì bà L nuôi con không có khả năng trả nợ. Yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết cho bà cho L, để ông T trả nợ cho bà L, thì bà L trả nợ cho tôi.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 11/3/2019 cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày: bà L có vay vốn tại Ngân hàng Chuyển L, tỉnh Sóc Trăng với số tiền 57.000.000 đồng, bao gồm các chương trình sau:

- + Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền vay: 6.000.000 đồng, ngày vay 10/6/2016, hạn trả 10/6/2021, phân kỳ trả nợ 12 tháng/lần, số tiền 1.600.000 đồng/1 kỳ. đến ngày 15/7/202, số tiền gốc phải trả là 4.800.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 15/7/2020 là 251.772 đồng.

- + Chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền vay: 6.000.000 đồng, ngày vay 27/4/2017, hạn trả 10/4/2022, phân kỳ trả nợ 12 tháng/lần, số tiền 1.200.000 đồng/1 kỳ. đến ngày 15/7/202, số tiền gốc phải trả là 3.600.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 15/7/2020 là 250.272 đồng.

- + Chương trình hộ nghèo về nhà ở, số tiền vay: 25.000.000 đồng, ngày vay 10/12/2017, hạn trả 10/6/2032, theo chương trình hộ nghèo về nhà ở theo quyết định số 33/2015/QĐ-TTg phân kỳ trả nợ 12 tháng/lần, số tiền trả mỗi kỳ là 1.600.000 đồng. Đến ngày 15/7/2020 số tiền gốc phải trả là 0 đồng và lãi tạm tính 349.679 đồng.

+ Chương trình hộ mới thoát nghèo, số tiền vay: 20.000.000 đồng, ngày vay 10/3/2018, hạn trả 10/6/2021, phân kỳ trả nợ 12 tháng/lần, số tiền 7.000.000 đồng/1 kỳ. Đến ngày 15/7/2020 số tiền gốc phải trả là 14.000.000 đồng, phía bà L chỉ mới trả được 3.000.000 đồng, nên số tiền còn phải trả là 11.000.000 đồng và lãi tạm tính là 603.270 đồng.

Việc bà L cho rằng đã trả cho Ngân hàng C số tiền vay 57.000.000 đồng trên không đúng với sự thật.

Nay Ngân hàng C yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc bà Nguyễn Mộng L có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc phân kỳ trễ hạn là 19.400.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính là 1.454.993 đồng. Tổng cộng vốn và lãi yêu cầu là 20.854.993 đồng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 27/3/2019 cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T1 trình bày: Bà là chủ vật liệu xây dựng Năm Đ, bà Nguyễn Mộng L và ông Dương Văn T có nợ tiền vật liệu xây dựng với số tiền 10.000.000 đồng. Việc bà L cho rằng đã trả cho Vật liệu xây dựng Năm Đ số tiền trên là không đúng với sự thật. Bà T1 yêu cầu bà L và ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị T1 thay đổi một phần yêu cầu độc lập, cụ thể bà T1 chỉ yêu cầu bà Nguyễn M L có trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 10.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 11/5/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H trình bày: Vào năm 2009 đến hết năm 2017, thì vợ chồng ông Dương Văn T và bà Nguyễn M L có mượn của tôi một cây vàng 24k và 20.000.000 đồng lúc còn sống chung. Nhưng bắt đầu từ năm 2018 thì bà L đã trả cho tôi được 07 chỉ vàng 24k, vì điều kiện và hoàn cảnh khó khăn phải nuôi con nhỏ nên không trả tiếp được.

Tại phiên tòa bà H xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc buộc ông Dương Văn T có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu là 03 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Mộng L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Trương Thị T1, bà Hồ Thị H, Ngân hàng C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Dương Văn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng thương mại cổ phần T, bà Bùi Thị Diệu A, ông Nguyễn Hùng M, ông Huỳnh Bá P chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Mộng L về việc buộc bị đơn ông Dương Văn T thanh toán số tiền còn nợ là 235.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị H về việc buộc bị đơn buộc ông Dương Văn T có trách nhiệm thanh toán số

tiền còn thiếu là 03 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng; Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trương Thị T1, buộc ông Dương Văn T và bà Nguyễn Mộng L có trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật tư còn thiếu 10.000.000 đồng cho bà T1; Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C buộc bà Nguyễn Mộng L có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn gốc phân kỳ trễ hạn là 19.400.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử còn thiếu cho phía Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Dương Văn T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH một thành viên Ngân hàng thương mại cổ phần T, bà Bùi Thị Diệu A, ông Nguyễn Hùng M, ông Huỳnh Bá P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Mộng L xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Hồ Thị H xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Nhận thấy việc rút yêu cầu của bà L và bà H là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 244, 245 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu các đương sự đã rút. Hội đồng xét xử cũng xác định lại địa vị tố tụng của các đương sự trong vụ án. Theo đó người liên quan có yêu cầu độc lập bà Trương Thị T1 và Ngân hàng C là nguyên đơn, xác định bà Nguyễn Mộng L và ông Dương Văn T là bị đơn.

Tại phiên tòa bà Trương Thị T1 thay đổi yêu cầu độc lập, cụ thể bà T1 chỉ yêu cầu bà Nguyễn M L có trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 10.000.000 đồng. Xét thấy việc không vượt quá phạm vi yêu cầu độc lập ban đầu nên được HĐXX chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng C yêu cầu bà L thanh toán số tiền nợ gốc phân kỳ trễ hạn là 19.400.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là 1.454.993 đồng. Tổng cộng vốn và lãi yêu cầu là 20.854.993 đồng. Ngân hàng C có cung cấp các Sổ vay vốn, thể hiện bà L có vay các khoản là 57.000.000 đồng, còn nợ lại 19.400.000 đồng. Tại phiên tòa bà L cũng thừa nhận còn nợ Ngân hàng C đúng các khoản vay như đơn yêu cầu độc lập của phía Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C được Hội đồng xem xét như sau:

Căn cứ vào mục 2.2 Điều 2 của Sổ vay vốn, thì bên vay có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong sổ vay vốn theo đúng định kỳ. Trong quá trình vay bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, nên bà L phải chịu hậu quả theo giao kết. Vì vậy việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán số tiền phân kỳ trễ hạn là 19.400.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: mục 2.2 Điều 2 của Sổ vay vốn, thì bên vay có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong sổ vay vốn. Xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong sổ vay vốn tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, số tiền lãi trên Ngân hàng đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ: Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt cũng như quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng chỉ yêu cầu bà Nguyễn Mộng L thanh toán các khoản nợ vay này do bà L là người đứng tên vay trong sổ vay vốn. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T không thừa nhận khoản vay này là nợ chung giữa ông và bà L. Mặt khác, tại phiên tòa bà L cũng đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu theo yêu cầu của Ngân hàng mà không yêu cầu ông T cùng có trách nhiệm trả. Do đó, yêu cầu độc lập của Ngân hàng Clà có căn cứ, đề nghị của VKS là có cơ sở, hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị T1 yêu cầu bà Nguyễn M L có trách nhiệm thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà L cũng thừa nhận bà và ông T có nợ bà T1 số tiền mua vật tư xây dựng còn thiếu là 10.000.000 đồng, nhưng cho rằng ông T đã trả xong. Tại tòa, bà T1 không thừa nhận và bà L cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, nên có căn cứ xác định bà L còn nợ bà T1 (Vật liệu xây dựng Năm Đ 10.000.000 đồng)

Tại biên bản lấy lời khai 25/01/2019, ông T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống với bà L, có nợ số tiền mua vật tư xây dựng Năm Đ của bà T1 với số tiền là 10.000.000 đồng. Do đó, cần buộc ông T có trách nhiệm thanh toán phân nửa số nợ này cho bà T1.

[3]Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Mộng L không phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện đã đình chỉ. Bà Nguyễn Mộng L và ông Dương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị T1 và Ngân hàng C không phải chịu án phí.

Bà Hồ Thị H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm c, điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 244, Điều 245; Điều 271, khoản

1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Mộng L, về việc yêu cầu ông Dương Văn T có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền 235.000.000 đồng.

2/ Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Hồ Thị H, về việc buộc ông Dương Văn T có trách nhiệm thanh toán số vàng còn thiếu là 03 chỉ vàng 24k và số tiền 20.000.000 đồng.

3/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C. Buộc bà Nguyễn M L có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số vốn 19.400.000 đồng, tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.454.993 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 20.854.993 đồng (Hai mươi triệu, tám trăm năm mươi bốn ngàn, chín trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày 18/7/2020, nếu bà Nguyễn Mộng L chưa thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng C, thì bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

4/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trương Thị T1 (VLXD Năm Đ) về việc yêu cầu bà Nguyễn Mộng L thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 10.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Mộng L và ông Dương Văn T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trương Thị T1 (VLXD Năm Đ) số tiền 10.000.000 đồng. Cụ thể: Bà L trả 5.000.000 đồng; ông T trả 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Trương Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L và ông T không thanh toán thì hàng tháng ông T và bà L còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng C không phải chịu án phí. Bà Trương Thị T1 không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Trương Thị T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007041 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Nguyễn Mộng L và ông Dương Văn T có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí với số tiền 500.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T1 được chấp nhận. Cụ thể: ông T phải chịu án phí với số tiền là 250.000 đồng; bà L phải chịu 250.000 đồng.

Bà L phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện do yêu cầu của Ngân hàng C được chấp nhận với số tiền là 1.042.749 đồng. Tổng số tiền án phí bà L phải chịu là 1.042.749 đồng + 250.000 đồng = 1.292.749 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.938.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004457 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Bà L được nhận lại 1.645.251 đồng.

6/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà

